



CTCP TẬP ĐOÀN HÒA PHÁT [MUA, +20.4%] (HPG: HOSE)

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

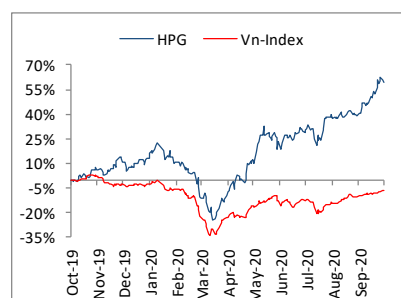
Giá cổ phiếu (đồng/cp)	29,050
Giá mục tiêu (đồng/cp)	35,000
Tiềm năng tăng/giảm (%)	20.4
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	29,550
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	13,253
Tăng/giảm giá 3 tháng (%)	24.9
Tăng/giảm giá 6 tháng (%)	27.6
Tăng/giảm giá 12 tháng (%)	62.4
Giá trị vốn hóa (tỷ đồng)	97,907
KLGDQ (ngàn cổ, 3 tháng)	13,116
SL CP lưu hành (triệu cp)	3,313
Nước ngoài đang sở hữu (%)	34.0
Giới hạn SH nước ngoài (%)	49.0
P/E trượt 12 tháng (x)	11.3
P/E dự phóng 12 tháng (x)	7.6

TÓM TẮT TÀI CHÍNH

	2017	2018	2019	2020E
Doanh thu (tỷ đồng)	46,855	56,580	64,678	92,356
Tăng trưởng (% y/y)	38.3%	20.8%	14.3%	42.8%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	8,007	8,573	7,527	12,845
Tăng trưởng (% y/y)	21.3%	7.3%	-11.9%	70.7%
Biên lợi nhuận ròng (%)	17.1%	15.2%	11.6%	13.9%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	32,398	40,623	47,787	58,906
Tổng tài sản (tỷ đồng)	53,022	78,223	101,776	121,057
ROA (%)	15.7%	12.9%	11.3%	11.5%
ROE (%)	36.4%	27.9%	24.8%	24.1%
EPS (đồng)	12,669	7,534	8,534	3,877
BVPS (đồng)	40,411	33,071	36,719	17,780
Cổ tức (đồng)	1,500	0	0	500
P/E (x)	4.5	7.5	6.6	7.6
EV/EBITDA (x)	4.5	5.7	5.4	5.6
P/B (x)	1.4	1.7	1.5	1.7

Nguồn: FiinPro, EVS dự phóng

Tăng trưởng giá so với VN-index



Nguồn: Fiinpro

NHẬN ĐỊNH ĐẦU TƯ

- Doanh số tháng 9 thép xây dựng đạt 352,000 tấn (+82.4% yoy), trong khi doanh số bán phôi thép đạt 170,000 tấn.
- Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu bán thép xây dựng đạt 2,48 triệu tấn (+26.3% yoy), trong khi HPG bán 1.34 triệu tấn phôi từ trong 9T2019 (cùng kỳ không có bán phôi). Tính đến thời điểm hiện tại, tổng sản lượng tiêu thụ thép dài đạt 3.82 triệu tấn (+94.4% yoy). Doanh số bán thép tăng mạnh do được hưởng lợi từ chính sách tăng đầu tư công để kích thích kinh tế hậu covid-19.
- Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế trong Q3.2020 dự báo đạt 23,598 tỷ đồng (+56.4% yoy) và 2,799 tỷ đồng (+59.5% yoy). Chúng tôi cho rằng sản lượng tiêu thụ mạnh sẽ bù đắp cho giá nguyên liệu cao trong Q3.2020.
- Chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt lần lượt là 92,356 tỷ đồng (+45.1% yoy) và 12,845 tỷ đồng (+70.7% yoy).
- Trong năm 2020, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng dự báo đạt 3.5 triệu tấn (tăng 26.9%). Chúng tôi ước tính sản lượng bán phôi thép sẽ đạt 1.8 triệu tấn (+500% yoy). Sản lượng tiêu thụ ống thép dự báo đạt 800,000 tấn (+6.9% yoy).

ĐỊNH GIÁ VÀ RỦI RO

- Chúng tôi sử dụng phương pháp PE để định giá cổ phiếu HPG.
- Giá mục tiêu: HPG được xác định giá hợp lý ở mức **35,000 đồng/cổ phiếu**.
- Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cho cổ phiếu HPG.
- Rủi ro: Việc vận hành lò cao bị trễ do tình hình dịch bệnh phức tạp, giá nguyên vật liệu biến động bất lợi đối với doanh nghiệp..

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 35,000 đồng/cổ phiếu

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q3.2020

Lũy kế 9 tháng, HPG ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan với doanh thu đạt 65.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế lên tới 8.845 tỷ đồng, lần lượt tăng 40% và 56% so với cùng kỳ 2019. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đạt 98% kế hoạch năm.

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Q3.2020 ước đạt 25,000 tỷ đồng (+65.7% yoy) và 3,785 tỷ đồng (+115.7% yoy)

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế Q3.2020 ước đạt 25,000 tỷ đồng (+65.7% yoy) và 3,785 tỷ đồng (+115.7% yoy), nhờ sản lượng bán hàng thép xây dựng quý 3 tăng mạnh đạt 972,000 tấn (+56.7% yoy), ống thép đạt 229,000 tấn (+11.2% yoy), phôi thép đạt 509,000 tấn (cùng kỳ không có bán phôi). Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp cải thiện mạnh nhờ các lò cao giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động đồng bộ, cùng với việc vận hành cảng biển đón tàu có trọng tải lớn 200,000 DWT giúp giảm giá nguyên vật liệu đầu vào, biên lợi nhuận gộp ước đạt 20.8% trong Q3.2020 tăng mạnh so với cùng kỳ là 17.9%.

HPG gần đây đã công bố doanh số bán hàng tháng 9 kỷ lục. Doanh số bán thép xây dựng tăng 82.4% lên 352,000 tấn, trong khi doanh số bán phôi thép đạt 170,000 tấn.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh số bán thép xây dựng đạt 2,48 triệu tấn (+26.3% yoy), trong khi HPG bán 1.34 triệu tấn phôi từ trong 9T2019 (cùng kỳ không có bán phôi). Tính đến thời điểm hiện tại, tổng sản lượng tiêu thụ thép dài đạt 3.82 triệu tấn (+94.4% yoy). Doanh số bán thép tăng mạnh do được hưởng lợi từ chính sách tăng đầu tư công để kích thích kinh tế hậu covid-19.

Lò cao 3 đã chính thức hoạt động thương mại vào 24/08/2020, dù mới hoạt động được hơn 1 nhưng đã đạt được hơn 85% công suất thiết kế đạt 100,000 tấn thép cuộn cán nóng (HRC) trong tháng 09/2020. Giá HRC có xu hướng tăng gần đây, chúng tôi kỳ vọng lò cao mới sẽ tạo ra lợi nhuận tốt Q4.2020.

Thị phần nội địa của công ty đã tăng mạnh lên 31.7% trong 8T2020.

Lũy kế 8 tháng đầu năm 2020, ngành thép xây dựng Việt Nam ghi nhận sản lượng tiêu thụ sụt giảm 4.1% so với cùng kỳ năm ngoái, do sản lượng tiêu thụ trong Q1.2020 giảm mạnh 15.4%. Tuy nhiên, HPG vẫn tăng mạnh 20.2% so với cùng kỳ và 26.3% so với cùng kỳ năm ngoái trong sản lượng tiêu thụ thép xây dựng 8T2020 và 9T2020. Điều này chủ yếu là do thị phần trong nước tăng mạnh và sản lượng xuất khẩu tăng mạnh.

Doanh số bán phôi thép đạt 1.34 triệu tấn trong 9T2020.

Theo đó, thị phần nội địa của công ty đã tăng mạnh lên 31.7% trong 8T2020 từ 26.8% trong 8T2019, đặc biệt là do thị phần phía Nam tăng gấp hai lần. Điều này là do Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất (HPDQ) giai đoạn 1, đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 19 đã giúp HPG tăng gấp đôi sản lượng tiêu thụ tại miền Nam Việt Nam.

Phôi thép chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc.

HPG cũng đã chứng minh rằng mình có khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu phôi thép. Nhờ vận hành HPDQ giai đoạn 1, HPG bắt đầu bán phôi từ quý Q4.2019 sau khi đáp ứng đủ nhu cầu phôi nội bộ. Tổng doanh số bán phôi thép trong 9T2020 đạt 1.34 triệu tấn từ con số 0 cùng kỳ năm ngoái. Doanh số bán phôi thép cao hơn kỳ vọng của chúng tôi và vượt trước dự báo sản lượng tiêu thụ cả năm của chúng tôi là 21.8% trong 9T2020.

Theo HPG, khoảng 70% sản lượng phôi thép bán ra của công ty được xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Điều này chứng tỏ khả năng cạnh tranh của HPG, vì giờ đây HPG có thể cạnh tranh trực tiếp với các công ty Trung Quốc nhờ quy mô kinh tế và quản lý chi phí tốt. Chúng tôi lưu ý rằng Trung Quốc là quốc gia sản xuất và xuất khẩu thép lớn nhất thế giới, chiếm 53.3% tổng sản lượng toàn cầu tính đến năm 2019. Doanh số bán phôi thép cao hơn dự kiến của chúng tôi,

trước khối lượng bán hàng cả năm của chúng tôi dự báo tăng 21.8% trong 9T2020.

Hình 1: Tóm tắt tài chính

	Q3.2019	Q3.2020	yoy	9M.19	9M.20	yoy	2019	2020F
Doanh thu (tỷ đồng)	15,087	25,000	65.7%	45,683	64,655	42%	63,658	92,356
Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	2,702	5,199	92.4%	8,350	12,668	52%	11,185	18,009
Biên lợi nhuận gộp (%)	17.9%	20.8%	NA	18.3%	19.6%	NA	17.6%	19.5%
Chi phí bán hàng (tỷ đồng)	(227)	(260)	-14.5%	(689)	(777)	-13%	(873)	(987)
Chi phí QLDN (tỷ đồng)	(150)	(156)	-4.0%	(378)	(464)	-23%	(569)	(642)
Thu nhập tài chính (tỷ đồng)	139	312	124.5%	339	736	117%	471	902
Chi phí tài chính (tỷ đồng)	(329)	(550)	-67.2%	(860)	(1,914)	-123%	(1,182)	(2,250)
Lợi nhuận (chi phí) khác (tỷ đồng)	26	15	-42.3%	49	51	4%	66	80
Lãi trước thuế (tỷ đồng)	2,161	4,560	111.0%	6,812	10,313	51%	9,097	15,112
LN ròng thuộc CT mẹ (tỷ đồng)	1,755	3,785	115.7%	5,591	8,813	58%	7,527	12,845
Biên lợi nhuận ròng (%)	11.6%	15.1%	NA	12.2%	13.6%	NA	11.8%	13.9%

Nguồn: BCTC HPG, EVS

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

Chúng tôi dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt lần lượt là 92,356 tỷ đồng (+45.1% yoy) và 12,845 tỷ đồng (+70.7% yoy).

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng dự báo đạt 3.5 triệu tấn (tăng 26.9%). Chúng tôi ước tính sản lượng bán phôi thép sẽ đạt 1.8 triệu tấn (+500% yoy). Sản lượng tiêu thụ ống thép dự báo đạt 800,000 tấn (+6.9% yoy).

Theo thông tin từ tập đoàn HPG sẽ bắt đầu cho ra mắt sản phẩm HRC thương mại từ tháng 10.2020. Mặc dù lò cao 3 ở giai đoạn 2 của Dung Quất mới đi vào hoạt động từ ngày 24/8/2020 nhưng đến tháng 9/2020 đã đạt công suất sử dụng 85.7%, với sản lượng 100,000 tấn. Sản phẩm mới chỉ được sử dụng cho nhu cầu nội bộ của bộ phận tôn và ống thép.

Giá HRC gần đây đã tăng mạnh lên 634 USD/tấn từ 566 USD/tấn vào cuối quý 2/2020. Do đó, chúng tôi đã điều chỉnh tăng dự báo giá bán HRC cho HPG lên 12,3 triệu đồng/tấn từ 10,0 triệu đồng/tấn trước đó.

Giá quặng sắt: Giá quặng sắt đã tăng từ cuối Q2.2020. Điều này chủ yếu là do (1) nhu cầu thép mạnh mẽ của Trung Quốc với kích thích tài chính của nước này để thúc đẩy phục hồi kinh tế và (2) thắt chặt nguồn cung từ Brazil do COVID-19. Trong 8T2020, nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái trong khi xuất khẩu quặng sắt của Brazil giảm 8.8% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 210 triệu tấn.

Chúng tôi kỳ vọng giá quặng sắt sẽ giảm trong Q4.2020 do nguồn cung từ Brazil bắt đầu tăng. Nhà xuất khẩu quặng sắt lớn nhất của Brazil, Vale, đã tăng sản lượng sản xuất của mình. Theo đó, xuất khẩu quặng sắt của Brazil tăng 18.5% so với cùng kỳ trong tháng 9 lên 37.8 triệu tấn. Trong khi đó, sản lượng thép của Trung Quốc đã bắt đầu chậm lại vào tháng 9 sau khi đạt mức cao kỷ lục trong tháng 8 do các điều kiện tín dụng thắt chặt hơn đối với các nhà phát triển bất động sản. Do đó, quặng sắt đã bắt đầu giảm từ tháng 9.

Giá than luyện cốc: Do nhu cầu tốt hơn, giá than luyện cốc đã tăng trong Q3.2020, chúng tôi kỳ vọng giá than luyện cốc trung bình của HPG là 127 USD/tấn (-21.1%).

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

HPG hiện đang giao dịch ở mức PE trailing là 11.3x và PE forward 2020 là 7.6x, chúng tôi đánh giá cao triển vọng tăng trưởng của HPG trong 3 năm tới khi các lò cao bắt đầu đi vào hoạt động đồng bộ và ổn định từ năm 2021, biên lợi nhuận được kỳ vọng sẽ cải thiện trong các năm tới khi sản lượng tăng, tỷ lệ trả tiền mặt dự báo đạt 1000 đồng/cp trong các năm tới khi không còn chi nhiều cho việc đầu tư xây dựng nhà máy. Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu HPG với giá mục tiêu là 35,000 đồng/cp, tương ứng với PE mục tiêu là 9.0x

Rủi ro: Việc vận hành lò cao bị trễ do tình hình dịch bệnh phức tạp, giá nguyên vật liệu biến động bất lợi đối với doanh nghiệp.

Khuyến nghị MUA cổ phiếu HPG với giá mục tiêu là 35,000 đồng/cp.

Báo cáo Kết quả HĐKD

(Tỷ VNĐ)	2017	2018	2019
Doanh số thuần	46,161.69	55,836.46	63,658.19
Giá vốn hàng bán	-35,536.12	-44,165.63	-52,472.82
Lãi gộp	10,625.57	11,670.83	11,185.37
Thu nhập tài chính	186.22	294.41	471.05
Chi phí tài chính	-555.76	-772.32	-1,181.68
Trong đó: Chi phí lãi vay	-479.71	-539.86	-936.71
Chi phí bán hàng	-594.71	-676.81	-873.33
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-409.04	-444.02	-569.01
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	9,252.12	10,072.09	9,030.98
Thu nhập khác	432.79	488.86	657.68
Chi phí khác	-396.55	-489.87	-592.00
Thu nhập khác, ròng	36.25	-1.02	65.68
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0.00	0.00	0.00
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	9,288.37	10,071.07	9,096.66
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-1,273.61	-1,470.52	-1,518.41
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	8,014.76	8,600.55	7,578.25
Lợi ích của cổ đông thiểu số	8.08	27.54	50.81
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	8,006.67	8,573.01	7,527.44

Chỉ số hoạt động

	2017	2018	2019
Tỷ suất lợi nhuận gộp	17.55%	17.86%	18.58%
Tỷ suất EBIT	10.58%	10.77%	11.21%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	10.68%	10.07%	9.91%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	9.09%	8.47%	8.23%

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Gián tiếp - Tỷ VNĐ	2017	2018	2019
Lãi trước thuế	9,288.37	10,071.07	9,096.66
Khấu hao TSCĐ	2,004.66	2,259.59	2,593.23
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-100.14	-112.99	-286.19
Chi phí lãi vay	479.71	539.86	936.71
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	11,657.00	12,740.51	12,358.83
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-462.71	-1,423.16	-288.52
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-2,201.68	-2,301.59	-5,132.24
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	-427.14	1,459.71	3,557.80
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-57.14	-500.92	-8.48
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	6,058.32	7,642.34	7,715.17
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-8,875.04	-27,594.12	-20,825.37
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	6.99	64.82	26.94
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-13,644.06	-11,295.50	-4,467.55
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	4,461.99	17,443.01	6,832.22
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-40.83	-115.95	0.00
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0.65	17.60	0.00
Cổ tức và tiền lãi nhận được	164.53	947.00	369.55
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-17,925.77	-20,533.13	-18,064.22
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	5,057.29	11.42	0.09
Tiền thu được các khoản đi vay	37,194.70	53,472.01	69,584.17
Tiền trả các khoản đi vay	-30,674.53	-42,335.01	-57,193.67
Cổ tức đã trả	-3.75	-5.92	-12.65
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	11,573.69	11,142.51	12,377.94
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-293.75	-1,748.28	2,028.89
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4,558.66	4,264.64	2,515.62
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4,264.64	2,515.62	4,544.90

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VNĐ)	2017	2018	2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	33,068.06	25,308.73	30,436.94
Tiền và tương đương tiền	4,264.64	2,515.62	4,544.90
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	9,936.71	3,724.56	1,374.34
Các khoản phải thu	6,555.42	3,210.28	3,561.40
Hàng tồn kho, ròng	11,748.87	14,115.14	19,411.92
TÀI SẢN DÀI HẠN	19,954.12	52,914.28	71,339.09
Phải thu dài hạn	21.81	22.30	27.72
Tài sản cố định	13,197.80	12,782.56	31,249.49
Giá trị ròng tài sản đầu tư	191.19	179.74	576.62
Tài sản dở dang dài hạn	5,468.75	38,107.32	37,435.32
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	53,022.18	78,223.01	101,776.03
NỢ PHẢI TRẢ	20,624.60	37,600.06	53,989.39
Nợ ngắn hạn	18,519.72	22,636.15	26,984.20
Phải trả người bán	4,226.44	8,706.91	7,507.20
Người mua trả tiền trước	824.28	361.44	408.69
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.86	9.93	27.41
Vay ngắn hạn	11,328.52	11,494.72	16,837.65
Nợ dài hạn	2,104.88	14,963.91	27,005.20
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0.00	1,647.09	6,652.49
Người mua trả tiền trước dài hạn	0.00	0.00	0.00
Doanh thu chưa thực hiện	0.00	0.00	3.37
Vay dài hạn	1,651.49	12,811.00	19,842.10
VỐN CHỦ SỞ HỮU	32,397.58	40,622.95	47,786.64
Vốn góp	15,170.79	21,239.07	27,610.74
Thặng dư vốn cổ phần	3,202.20	3,211.56	3,211.56
Lãi chưa phân phối	13,397.03	15,126.44	15,876.91
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	110.61	126.96	163.21
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	53,022.18	78,223.01	101,776.03

Chỉ số chính

	2017	2018	2019
Chỉ số định giá			
P/E	4.45	7.49	6.61
P/E pha loãng	4.24	7.13	6.30
P/B	1.40	1.71	1.54
P/S	0.37	0.58	0.49
P/Tangible Book	1.37	1.68	1.51
P/Cash Flow	6.76	18.30	12.28
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	4.46	5.72	5.42
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	5.91	7.63	7.08
Hiệu quả quản lý			
ROE%	36.41	27.90	24.83
ROA%	15.69	12.86	11.27
ROIC%	19.32	17.73	17.11
Cấu trúc tài chính			
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.05	0.04	0.06
Tỷ suất thanh toán nhanh	0.42	0.48	0.39
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.03	1.27	1.11
Tổng công nợ/Vốn CSH	1.35	1.05	1.35
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	0.58	0.51	0.57
Chỉ số hoạt động			
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	9.44	8.65	8.35
Hệ số quay vòng HTK	5.23	4.45	3.86
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	17.29	13.80	11.72

CÁC MỨC KHUYẾN NGHỊ

MUA:	Lợi nhuận kỳ vọng của 06 tháng đầu tư ít nhất là +14%.
NẮM GIỮ:	Lợi nhuận kỳ vọng của 06 tháng đầu tư nằm trong khoảng +/-14%.
BÁN:	Lợi nhuận kỳ vọng của 06 tháng đầu tư thấp hơn -14%.
KHÔNG XẾP HẠNG:	Do thiếu những thông tin cần thiết nên chúng tôi không thể thực hiện khuyến nghị.

KHUYẾN CÁO

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán EVEREST (EVS), EVS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của EVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo. EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của EVS và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của EVS. Khi sử dụng các nội dung đã được EVS chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn.

THÔNG TIN LIÊN LẠC**CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS)- www.eves.com.vn****Trụ sở chính:**

Tầng 2, VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 3772 6699 - Fax: (84) 24 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn:

Tầng M, Central Park Tower, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 6290 6296 - Fax: (84) 28 6290 6399

Chi nhánh Hàm Nghi:

Tầng 4, Ruby Tower, 81-85 Hàm Nghi, Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 3915 2616 - Fax: (84) 28 3915 2618

Chi nhánh Bà Triệu:

Tầng 1, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84) 24 39366866 - Fax: (84) 24 3936 6586